TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HS-ST
Ngày 11- 02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Băng – Ông Trần Văn Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Quang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T; tên gọi khác: không; sinh ngày 01 tháng 5 năm 1987 tại thành phố Hải Phòng; giới tính: Nam; căn cước công dân số: 031087010316 cấp ngày 12/5/2022; nơi cấp: Cục C - Bộ C1; nơi thường trú: Số A gác C P, phường H, thành phố Hải Phòng. Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 3, khu phố C, đặc khu P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị Thanh H có vợ là Lê Thị Kim P (đã ly hôn); đang sinh sống như vợ chồng với Đào Thị Thu T1 và 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 214/2004/HSST ngày 21/7/2004 Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Đức T 01 năm 06 tháng về tội " Cướp tài sản" đã chấp hành xong các quyết định của bản án (đã được xoá án tích).

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2008/HSST ngày 18/6/2008 Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xử phạt Nguyễn Đức T 01 năm tù về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".Tại bản án hình sự sơ

thẩm số 35/2008/-HSST ngày 30/6/2008 Toà án nhân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Nguyễn Đức T 09 tháng tù về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" Tổng hợp hình phạt của hai bản án là 01 năm 09 tháng tù (đã chấp hành xong được xoá án tích).

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 140/2011/HSST ngày 20/10/2011 Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Đức T 09 năm tù về tội " Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" (đã chấp hành xong được xoá án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06 tháng 10 năm 2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh L. Có mặt.

** Người chứng kiến:*

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1969; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Y, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

- Ông Trần Phong Q, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Y, tỉnh Lào Cai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T là đối tượng sử dụng chất ma túy, vào khoảng 19 giờ, ngày 01 tháng 10 năm 2025, T đi bộ từ nhà trọ số C, đường Y, phường Y đến khu vực chợ G thuộc phường Y, tỉnh Lào Cai gặp một người đàn ông (không biết tên tuổi địa chỉ) mua được một gói ma tuý tổng hợp dạng đá với giá 200.000 đồng, sau đó T cầm gói ma tuý vừa mua được đi đến khu vực bờ kè sông H thuộc phường Y, tỉnh Lào Cai sử dụng hết bằng hình thức hít trực tiếp vào cơ thể. Đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05 tháng 10 năm 2025, T tiếp tục đi bộ đến khu vực chợ G thuộc phường Y, tỉnh Lào Cai gặp người đàn ông trên mua được một gói ma tuý tổng hợp dạng Hồng phiến với giá 1.000.000 đồng nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Sau khi mua được ma tuý T cất giấu trên người đi đến khu vực tổ dân phố N, phường Y, tỉnh Lào Cai, thì bị lực lượng công an phát hiện, kiểm tra bắt quả tang và thu giữ: 01(một) gói được cuốn bên bên ngoài bằng băng dính màu đen, bên trong là lớp nilon màu trắng, bên trong lớp nilon màu trắng có các viên nén hình tròn dẹt màu đỏ (nghi là ma tuý tổng hợp); 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, mặt sau có chữ SAM SUNG điện thoại đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen mặt sau có chữ IPHONE gắn sim số 0818 402 187 điện thoại đã qua sử dụng; 01 thẻ căn cước công dân số 031087010316 mang tên Nguyễn Đức T.

Tại biên bản niêm phong và giao nhận đối tượng giám định hồi 09 giờ 00 phú ngày 06/10/2025 tại phòng K1 Công an tỉnh L tiến hành mở niêm phong 01 phong bì là vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Đức T ngày 05/10/2025. Bên trong phong bì có: 01 gói được cuốn bên ngoài băng dính màu đen, bên trong là một lớp nylon màu trắng, bên trong lớp nilon màu trắng có chứa 10 viên nén hình tròn dẹt mà đỏ, tổng khối lượng các viên nén là 01 gam đã trích 0,1 gam để giám định, hoàn lại Cơ quan trương cầu 0,9 gam.

* Tại bản kết luận giám định số: 669/KL-KTHS, ngày 11 tháng 10 năm 2025 của phòng K1, Công an tỉnh L kết luận: Các viên nén hình tròn màu dẹt đỏ trong phong bì niêm phong, ký hiệu M gửi giám định là ma tuý loại Methamphetamine có tổng khối lượng là 01 (một) gam. Cơ quan giám định đã trích 0,1 gam để phục vụ giám định, hoàn lại cơ quan trưng cầu 0,9 gam.

Cáo trạng số 60/CT-VKS-KV1 ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai truy tố Nguyễn Đức T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt:

Nguyễn Đức T từ: 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam 06 tháng 10 năm 2025

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 0,9 gam ma túy Methamphetamine (sau khi trích mẫu giám định) được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong do Phòng K1 Công an tỉnh L phát hành; 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong, mảnh băng dính màu đen, nilon gói.

Trả lại Nguyễn Đức T: 01 thẻ căn cước công dân số 031087010316 mang tên Nguyễn Đức T; 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, mặt sau có chữ SAM SUNG điện thoại đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen mặt sau có chữ IPHONE gắn sim số 0818 402 187 điện thoại đã qua sử dụng;

Về án phí: Áp dụng Điều 136; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc:

Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên, không tranh luận gì và có lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm người chứng kiến vắng mặt, tuy nhiên, sự vắng mặt của của những người tham gia tố tụng trên không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đã phù hợp với lời khai người chứng kiến, vật chứng thu giữ của vụ án và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Hành vi tàng trữ trái phép 01 (một) gam chất ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân của Nguyễn Đức T trong ngày 05 tháng 10 năm 2025, tại khu vực tổ dân phố N, phường Y, tỉnh Lào Cai đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, đây là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác trong

xã hội.

Về nhân thân, bị cáo Nguyễn Đức T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã 04 lần bị Toà án xử phạt về các tội: Cướp tài sản; Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt được xoá án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, biết hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Vì vậy, cần có một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung.

Bị cáo Nguyễn Đức T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, do đó cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người nghiện ma túy; không có việc làm, tài sản, thu nhập; nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Về nguồn gốc số ma túy (M) bị thu giữ khi bắt quả tang. Quá trình điều tra không xác định được tên tuổi địa chỉ cụ thể của người thanh niên đã bán ma tuý Methamphetamine cho Nguyễn Đức T vào ngày 01/ 10/ 2025 và ngày 05/10/2025 nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 (một) gam ma túy loại Methamphetamine thu giữ của Nguyễn Đức T. Cơ quan giám định đã trích 0,1 (không phẩy mộy) gam còn lại 0,9 (không phẩy chín) gam ma tuý loại Methamphetamine được niêm phong trong một phong bì do Phòng K1 Công an tỉnh L phát hành là chất nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong, mảnh băng dính màu đen, nilon gói không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với: 01 thẻ căn cước công dân số 031087010316 mang tên Nguyễn Đức T là giấy tờ tuỳ thân của bị cáo; 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, mặt sau có chữ SAM SUNG điện thoại đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen mặt sau có chữ Iphone gắn sim số 0818 402 187 điện thoại đã qua sử dụng tài sản của Nguyễn Đức T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho Nguyễn Đức T.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và cáo quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) xử phạt bị cáo:

Nguyễn Đức T **04** (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06 tháng 10 năm 2025

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1 Tịch thu tiêu hủy:

- 0,9 (không phẩy chín) gam ma túy Methamphetamine được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong do Phòng K1 Công an tỉnh L phát hành, mặt trước phong bì có ghi: "Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Đức T ngày 05/10/2025" (sau khi trích mẫu giám định)". Mặt sau phong bì, các mép đều được dán kín, có họ tên, chữ ký của Nguyễn Đức P1, Hoàng Văn T2, Lê Văn S, Nguyễn Đức T và 04 (bốn) hình dấu tròn đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh L.

- 01 vỏ phong bì đã mở niêm phong, mảnh băng dính màu đen, nilon gói.

3.2 Trả bị cáo Nguyễn Đức T:

- 01 thẻ căn cước công dân số 031087010316 mang tên Nguyễn Đức T;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, vỏ máy màu xanh, mặt sau có chữ SAM SUNG điện thoại đã qua sử dụng;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, vỏ máy màu đen mặt sau có chữ Iphone gắn sim số 0818 402 187 điện thoại đã qua sử dụng.

(Đặc điểm chi tiết thể hiện theo các biên bản giao nhận vật chứng ngày 26 -01-2025 tại Chi cục thi hành án dân sự khu vực 1 - Lào Cai)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1 – Lào Cai;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lào Cai;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Lào Cai
- Trại tạm giam số 2 – Công an tỉnh Lào Cai.
- Thi hành án dân sự khu vực 1 – Lào Cai;
- Bị cáo;
- THA hình sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến